



Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm (Hết)

ISSN: 2734-9195

09:10 22/04/2026

Khóa hư lục không chỉ có giá trị về mặt tôn giáo, chứa đựng tinh hoa văn hóa, lịch sử và tư tưởng triết học thời Trần; hơn hết, nét đặc sắc trong tư tưởng thiền học, các phương pháp thực hành để đạt đến sự giải thoát trong hiện đời mới là điều trọng yếu mà vua Trần Thái Tông muốn gửi gắm.

Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm (P.1)

Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm (P.2)

Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm (P.3)

Kết luận

Trần Thái Tông, vị vua khai sáng triều đại nhà Trần mà không động đến đao binh, là một bậc minh quân, tài đức vẹn toàn. Ngài có mặt trên cõi đời vồn vẹn 59 năm, nhưng đã để lại cho quốc gia Đại Việt cả một giang sơn gấm vóc hùng vĩ, đặt nền tảng vững chắc cho các đời vua sau tiếp bước. Đồng thời, ngài cũng là một người có tài văn chương, học rộng, xem khắp các kinh luận nhà Phật; nhờ đó, ngài đã trước thuật nhiều tác phẩm có giá trị Phật học để lại cho hậu thế. Trong số đó, Khóa hư lục còn lưu hành ở đời, có thể xem là hiện thân của từ bi, trí tuệ và giải thoát.

Khóa hư lục không chỉ có giá trị về mặt tôn giáo, chứa đựng tinh hoa văn hóa, lịch sử và tư tưởng triết học thời Trần; hơn hết, nét đặc sắc trong tư tưởng thiền học, các phương pháp thực hành để đạt đến sự giải thoát trong hiện đời mới là điều trọng yếu mà vua Trần Thái Tông muốn gửi gắm. Mở đầu, tác phẩm đề cập đến cái khổ, nhưng đâu phải nói khổ để rồi bi quan, yếm thế, chán chường; trái lại, chỉ thẳng cái khổ để nắm tay dẫn đến niềm vui giải thoát. Đi sâu nghiên cứu tác phẩm Khóa hư lục, giúp chúng ta thấy rõ vai trò quan trọng của tư tưởng, triết lý và pháp hành mà vua Trần Thái Tông đã trình bày; đó là cơ sở nền tảng định hình và phát triển Thiền phái Trúc Lâm sau này - một dòng thiền mang đậm bản sắc dân tộc Việt do vua Trần Nhân Tông khai sáng.

Trước hết, trên phương diện vũ trụ quan và nhân sinh quan, vua Trần Thái Tông đã đem đến một cái nhìn toàn diện và cân bằng về cuộc sống, giúp mọi người nhận thức được thân này là gốc khổ, là tổ hợp của bệnh tật, khổ đau. Ngài đưa ra tư tưởng vạn pháp giai không (tất cả pháp đều vô thường, tan hoại) giúp con người có cái nhìn sâu sắc về tính tạm bợ của cuộc đời, mong manh của kiếp người; từ đó, hướng con người đến các giá trị chân - thiện - mỹ, tu tập các hạnh lành để được sống trong một đất nước coi trọng đạo đức. Ngài khuyến khích mọi người mau mau gieo giống lành, chớ trồng nhân ác, mỗi sớm siêng năng tu trì, hầu mong hiện đời rõ được chân tâm, vượt thoát sông mê bể khổ, rũ lòng từ cứu độ quần sinh.

Tư tưởng hữu niệm và vô niệm tạo nên một phương thức tu hành hiệu quả, giúp cho hành giả nhận chân được cái Vô. Đó là chỗ rốt ráo tuyệt đối cần thể nhập. Hai đối cực hữu - vô đã lý giải tường tận về con đường ngược chiều trong công phu tu tập. Hữu thì đi vào trùng trùng sinh tử; Vô thì tự tại giải thoát. Vua Trần Thái Tông đưa ra các lý tưởng sống cụ thể: ngộ tâm, giải thoát, hướng tới một cuộc sống thanh tịnh, an lạc. Điều này có ý nghĩa thiết thực đối với từng cá nhân và cả quốc gia, dân tộc.

Những tư tưởng nổi bật được thể hiện trong Khóa hư lục như: Phật tại tâm, vô sở trụ, thiền giáo đồng hành, tinh thần nhập thế vô nhiễm là những yếu tố tối quan trọng giúp người tu hành có cái nhìn tổng thể, tích cực đối với Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông. Người tường minh được các tư tưởng này, không chỉ giải thoát cho bản thân mà còn đem lại nhiều tác động tích cực cho mọi người và xã hội. Tư tưởng Phật tại tâm, giúp xác quyết vấn đề giác ngộ không nằm ở hình thức bên ngoài, mà xuất phát từ tâm trí của mỗi người. Phật không có trong rừng sâu, Phật ở ngay trong lòng mỗi người. Lòng trong sạch, không có mây may niệm lự, thường sáng biết, ngay đó là Phật thật. Điều này hướng con người đến việc tu dưỡng tâm tánh, giảm đi tính phụ thuộc vào vật chất, lệ thuộc vào tha lực, giúp họ đạt được sự thanh thản, an lạc trong tâm hồn. Thêm vào đó, tư tưởng vô sở trụ cũng là một điểm nhấn trong Khóa hư lục. Hành giả tu tập đạt đến chỗ vô sở trụ mới có thể tự tại, tùy duyên, làm tất cả việc lợi đạo ích đời mà tâm không vướng bận. Phải vô sở cầu, vô sở trụ, vô sở đắc thì mới nên đi vào đời làm các việc thiện nguyện, giúp ích cho người khác. Có như thế mới gọi là nhập thế vô nhiễm, bằng không sẽ bị cuộc thế xoay chuyển, cuốn trôi theo dòng xoáy của ngũ dục, tham sân.

Qua tác phẩm Khóa hư lục, vua Trần Thái Tông đã truyền bá tư tưởng giải thoát, hướng con người đến đời sống thiện lương và thanh tịnh, có cái nhìn vượt thoát đối với vạn pháp trên thế gian. Giải thoát chỉ hiện hữu khi nội tâm vắng bật mọi tham ưu, phiền não. Giải thoát chỉ có ở một tâm hồn trong sáng, thanh cao,

không một niệm thiện - ác. Giải thoát chỉ có mặt khi nào hành giả thành tựu trọn vẹn ba môn học vô lậu giới - định - tuệ. Tư tưởng giải thoát của vua Trần Thái Tông không những giúp cho cá nhân chuyển hóa khổ đau, nâng cao giá trị đạo đức; nó còn là nền tảng để hình thành tư tưởng cư trần lạc đạo của Sơ tổ Trúc Lâm sau này.

Muốn tiến đến đích giải thoát, tất nhiên không thể thiếu phương pháp hành trì cụ thể. Pháp học và pháp hành phải được vận dụng đúng mức thì mới cho ra kết quả như nguyện. Các pháp tu cụ thể được vua Trần Thái Tông nhắc đến trong Khóa hư lục như: Sám hối nghiệp chướng, thiền định, niệm Phật. Riêng pháp môn niệm Phật, chúng tôi đưa vào phần phương tiện tùy cơ để độ sinh vì những lý do đã phân tích (mục 2.4.3). Qua nghiên cứu cho thấy, tác phẩm Khóa hư lục đem lại lợi ích thiết thực cho cá nhân và xã hội, chứa đựng giá trị ứng dụng thực tiễn đối với Thiền phái Trúc Lâm.

Về mặt cá nhân, Khóa hư lục mang đến cho hành giả cũng như học giả hệ thống phương pháp thực hành nhằm chuyển hóa nội tâm, đạt đến giác ngộ. Vua Trần Thái Tông đã phối hợp nhịp nhàng giữa việc giảng dạy giáo lý để mọi người nắm chắc về lý thuyết, cùng với đó là hướng dẫn pháp hành cụ thể, đi vào thực tế, dễ ứng dụng. Việc đầu tiên cần làm là giúp hành giả thấy rõ bản chất của cuộc đời là vô thường, khổ đau và tạm bợ. Tiếp đó, mới chỉ cho mọi người cùng tin và nhận ra bản tâm thanh tịnh vốn sẵn, còn gọi là Phật thật nơi mình. Nhận ra và sống được với chân Phật ấy thì mọi người mới cảm nhận được sự tự do, tự tại: tự do trong khuôn khổ, bình yên giữa loạn động, giải thoát ngay trong ràng buộc. Từ đó, phát triển đời sống đạo đức, thanh cao, trong sáng, tránh xa những cám dỗ và tham vọng phù phiếm.

Về mặt xã hội, Khóa hư lục mang ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng đời sống hòa bình, dân chủ, bình đẳng và hài hòa trong cộng đồng. Việc khuyến khích mọi người dân không riêng tín đồ Phật giáo, cùng nhau tu trì Ngũ giới là nền tảng để xây dựng một xã hội văn minh, tốt đẹp. Năm nguyên tắc sống: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu được đề cao, sẽ góp phần tạo nên một hệ giá trị đạo đức cơ bản, khuyến khích con người sống lương thiện, sống theo tinh thần khoan dung, từ bi; biết tha thứ, biết tôn trọng nhau và hướng đến một xã hội trật tự, ổn định, giàu lòng nhân ái.

Hiện nay, tinh thần thừa tiếp các truyền thống văn hóa dân tộc thời nhà Trần đang được kế thừa và phát huy. Đặc biệt là nội dung tư tưởng thiền học, triết lý Phật giáo, tính thực tiễn của các pháp tu được vua Trần Thái Tông hướng dẫn trong Khóa hư lục, đã và đang được ứng dụng trong đời sống tu tập của tăng ni, Phật tử thuộc Thiền phái Trúc Lâm. Qua đó, ta thấy được sợi chỉ vàng nối kết

giữa dòng Thiền Trúc Lâm đời Trần và Thiền phái Trúc Lâm hiện nay, do Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm khôi phục, xiển dương.

Trên con đường phục hưng dòng Thiền Trúc Lâm, Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm - bậc thạch trụ thiền môn của thời hiện đại, đã tiếp nối chí nguyện hoàng pháp độ sinh từ chư vị thiền tổ Trúc Lâm. Ngài không chỉ nỗ lực khơi lại mạch nguồn Trúc Lâm đã mờ nhạt suốt nhiều thế kỷ, mà còn kiến lập thiền viện, biên soạn Thanh quy, tổ chức thời khóa tu học cho tăng ni trong tinh thần thiền giáo đồng hành. Với tầm nhìn sâu rộng và công hạnh kiên định, Hòa thượng đã làm sống lại tinh thần “phản quan tự kỷ, trực ngộ bản tâm” trong lòng người học đạo hôm nay, đưa Thiền phái Trúc Lâm bước vào thời kỳ hưng thịnh của thế kỷ XXI, vừa giữ được hồn xưa của dân tộc, vừa thích nghi với thời đại mới. Có thể nói, hoạt động phiên dịch, giảng giải tác phẩm Khóa hư lục của Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm, đã góp phần to lớn trong việc tiếp sáng mạch Thiền Trúc Lâm đời Trần, khơi lại niềm tin vào pháp tu thiền, dựng lại thiền phong cho hàng tăng ni, Phật tử trên bước đường tu học hướng đến giác ngộ, giải thoát.

Tóm lại, Khóa hư lục là một tác phẩm mang giá trị vượt thời gian, vừa là cẩm nang tu hành cho người học Phật, vừa là bản nguyện tâm linh của một bậc minh quân hướng thượng, từ bi, trí tuệ. Những tư tưởng, triết lý, phương pháp tu tập được vua Trần Thái Tông trình bày trong tác phẩm không chỉ giúp cho hành giả tìm được giá trị chân thật đối với lý tưởng giác ngộ, giải thoát; đối với quốc gia dân tộc, những lời dạy gần gũi, thiết thực trong Khóa hư lục góp phần điều hướng con người sống và làm việc với một tinh thần lạc quan, tích cực; cùng nhau chung tay xây dựng đời sống xã hội nhân văn, đạo đức. Với những giá trị cao đẹp ấy, Khóa hư lục không những là kim chỉ nam cho người tu hành, mà còn là nguồn cảm hứng lớn lao cho các học giả, nhà nghiên cứu để tâm đào sâu khai thác các tư tưởng, triết lý, tính ứng dụng đối với thời đại.

Trích sách: **Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm**

Tác giả: **Thích Đạt Ma Thiên Tuệ Thanh**

Tài liệu tham khảo

• Tài liệu tiếng Việt:

5. Ban Văn hóa Thường Chiếu, Thanh Từ toàn tập, tập 24, “Thánh đăng lục giảng giải”. Nxb. Tôn giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
6. Ban Văn hóa Thường Chiếu, Thanh Từ toàn tập, tập 37, “Thanh quy Thiền phái Trúc Lâm”. Nxb. Tôn giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.

7. Ban Văn hóa Thường Chiếu, Thanh Từ toàn tập, tập 39, “Những cảm hứng tùy cảnh”. Nxb. Tôn giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.
8. Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú thích và khảo chứng, Đại Việt sử ký toàn thư (tái bản). Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022.
9. Đào Duy Anh phiên dịch và chú giải, Khóa hư lục. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974. Thư viện Huệ Quang ảnh ấn, 2019.
10. Đoàn Trung Còn - Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, Kinh Bốn mươi hai chương. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010.
11. HT. Thích Minh Châu, Kinh Tăng Chi Bộ, tập III, IV. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.
12. HT. Thích Thanh Kiểm dịch, Khóa hư lục (trọn bộ). Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, 1992.
13. HT. Thích Tịnh Hạnh dịch, Đại Tập 138, Bộ Kinh Sớ XXIV, số 1779-1782: “Duy-Ma-Cật kinh nghĩa sớ”, quyển III. Hội Văn hoá Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, 2000.
14. Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam (tái bản có bổ sung), tập III. Nxb. Đồng Nai, 2023.
15. Lê Mạnh Thát, Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng, tập I. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.
16. Lê Mạnh Thát, Toàn tập Minh Châu Hương Hải. Nxb. Tp. Hồ chí Minh, 2000.
17. Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004.
18. Nguyễn Huệ Chi - Đỗ Văn Hỷ - Trần Thị Băng Thanh - Phạm Tú Châu soạn thảo, Thơ văn Lý- Trần, tập II. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.
19. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022.
20. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Minh Chi - Lý Kim Hoa - Hà Thúc Minh - Hà Văn Tấn (Viện Triết học), Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2022.
21. Nguyễn Thị Phương, “Quang Khánh thiền tự - Từ tự sự Tôn giáo”, Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Thủ đô Hà Nội), số 38 (3/2020), 28-36.
22. Nhiều tác giả, Kỷ yếu 50 năm Thiền viện Chơn Không. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016.
23. Nhiều tác giả, Thiền học đời Trần (tái bản). Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003.
24. Phạm Đức Anh, Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X-XIX. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2023.
25. HT. Thích Giác Toàn - Trần Hữu Tá (đồng chủ biên), Văn học, Phật giáo với 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội. Nguyễn Khắc Thuần: “Tăng ban trong bộ máy nhà nước thời Lý-Trần”. Nxb. Văn hóa-Thông tin, Tp. Hồ Chí Minh, 2010.
26. TT. Thích Hạnh Thành biên soạn, Biên niên sử Thiền tông Việt Nam. Nxb.

Hồng Đức, Hà Nội, 2016.

27. HT. Thích Phước Sơn dịch và chú, Tam tổ thực lục. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành, Tp. Hồ Chí Minh, 1995.

28. HT. Thích Quảng Độ dịch, Phật Quang đại từ điển, quyển I, II, IV. Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, 2000.

29. HT. Thích Thanh Quyết, Trịnh Khắc Mạnh (đồng chủ biên), Trúc Lâm Yên Tử Phật giáo tùng thư. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020.

30. HT. Thích Thanh Từ dịch, Thiền sư Trung Hoa, tập I. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2011.

31. HT. Thích Thanh Từ, Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2015.

32. HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008.

33. HT. Thích Thanh Từ, Kinh Pháp Bảo Đàn giảng giải. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2017.

34. HT. Thích Thanh Từ, Kinh Viên Giác giảng giải. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.

35. HT. Thích Thanh Từ, Tam tổ Trúc Lâm giảng giải. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.

36. HT. Thích Thanh Từ, Thanh quy. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2010.

37. HT. Thích Thanh Từ, Thiền sư Việt Nam. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.

38. HT. Thích Thanh Từ, Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017.

39. HT. Thích Thanh Từ, Tông môn cảnh huấn. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022.

40. HT. Thích Thanh Từ, Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.

41. Thiều Chửu diễn nghĩa, Thái Tôn Hoàng đế ngự chế Khoá hư kinh. Nxb. Hưng Long, 1961. Thư viện Huệ Quang ảnh ấn, 2016.

42. Trần Văn Chánh biên soạn, Từ điển Hán - Việt. Nxb. Từ điển Bách khoa, 2014.

43. TT. Thông Thiền - Hân Mẫn, Từ điển Thiền Tông (tân biên, A-O). Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2019.

44. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phật giáo đời trần, tập III. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010.

• **Tài liệu tiếng nước ngoài:**

45. □ 普賢觀經義疏 □ 卷2, CBETA 2024.R1, X35, no.650.

46. □ 歸元直指集 □ 卷2, CBETA 2024.R2, X61, no.1156.

47. □ 法華經大疏 □ 卷2, CBETA 2024.R2, X31, no.614.

48. □ 續高僧傳 □ 卷23, CBETA 2024.R2, T50, no.2060.

49. □ 註華嚴法界觀門□ 卷1,CBETA 2024.R2, T45, no. 1884.
50. □ 金剛經註解□ 卷3, CBETA 2024.R2, X24, no.468.
51. 罗竹风(主编),漢語大詞典.汉语大词典 出版社,1986.
52. □ 中阿含經□ 卷47, CBETA 2024.R2, T01, no. 26.
53. □ 佛說觀無量壽佛經□ ,CBETA 2024.R1, T12, no.365.
54. □ 六祖大師法寶壇經□ 卷1,CBETA 2024.R2, T48, no. 2008.
55. □ 大乘起信論□ 卷2,CBETA 2024.R2, T32, no. 1667.
56. □ 大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴 經□ 卷6, CBETA 2023. Q4, T19, no. 945.
57. □ 大方廣佛華嚴經□ 卷1 0 □ 之三□ ,(C BET A2024.R2, T10, no. 279.
58. □ 大方廣佛華嚴經□ 卷42□ 之七□ ,CBETA 2024.R2, T09, no. 278.
59. □ 註華嚴法界觀門□ 卷1, (CBETA 2025.R1, T45, no. 1884, p. 683b13-14).
60. □ 大般涅槃經□ 卷7,CBETA 2024.R1, T12, no. 374.
61. □ 央掘魔羅經□ 卷2, CBETA 2024.R2, T02, no. 120.
62. □ 梵網經□ 卷2, CBETA 2024.R2, T24, no. 1484.
63. □ 永嘉證道歌□ 卷1, CBETA 2024.R2, T48, no. 2014.
64. □ 金剛般若波羅蜜經□ 卷1, CBETA 2024.R2, T08, no. 235.
65. 陳太宗御製課虛, 慧光書院影印, 2018.

Phụ lục

1. Đối chiếu nội dung Khóa lễ Sáu thời sám hối và nghi thức Sám hối sáu căn

Ghi chú: Để tiện cho việc đối chiếu nội dung, chúng tôi xin được trích dẫn bản dịch Khóa lễ Sáu thời sám hối, do Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm soạn dịch từ nguyên tác Lục thời Sám hối khoa nghi của vua Trần Thái Tông, được Ban Văn hóa Thường Chiếu biên tập trong bộ: Thanh từ toàn tập, tập 25, “Khóa hư lục giảng giải”, Nxb. Tôn giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2013, tr. 243-282. Trong đó, đã lược bỏ bài “Kệ khuyến chúng vào đầu đêm” và bài “Kệ khuyến chúng của Hoàng đế Thái Tông”; cùng với đó là nội dung nghi thức Sám hối sáu căn, được trích dẫn trong bộ: Thanh từ toàn tập, tập 37, “Thanh quy Thiền phái Trúc Lâm”, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2014, tr. 65-77.

THỜI GIAN THỰC HIỆN	NỘI DUNG KHÓA LỄ SÁU THỜI SÁM HỐI
THỜI SÁM HỐI BUỔI SÁNG	1. KỆ CẢNH SÁCH CHÚNG GIỜ DẦN Phương đông tờ mờ sáng, Mặt đất tối tan dần. Tâm chạm trần cảnh dấy, Mắt lòa sắc tưng bừng. Xác thối đừng ôm mãi, Đầu vùi, sớm ngưỡng lên. Ân cần chuyên sáu niệm, Hầu mong hợp cơ chân. (Lễ Tam bảo ba lay) 2. DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG Cúi mong, phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vằng nhật hiện dần. Chiếu Phạm hợp dòng thanh tịnh, côi không lễ bậc Thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu. Hương này, trồng từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng đao giải thoát. Chẳng do sức người rìu búa, hình thế xuất tự thiên nhiên. Đốt lên từ lò báu tri kiến, kết đài mây sáng rõ. Khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Vừa lúc rạng đông, thấp hương cúng dường. 3. KỆ DÂNG HƯƠNG Trầm thủy, rừng thiền hương sức nức, Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng, Đao giới vót thành hình non thắm, Nguyễn đốt lò tâm mãi cúng dâng.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI SÁNG**

4. KỆ DÂNG HOA

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành đoá đoá dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

5. HIẾN HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn,
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

(Lễ Tam bảo một lay)

6. TÂU BẠCH

Kính bạch: mười phương Đại giác, ba đời Hùng
sư, soi đuốc tuệ nơi đường tối, thả thuyền từ trong
biển khổ.

Trộm nghe: Canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn.
Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều
chuyển động. Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén
trúc điệp trước song mới tỉnh. Mây liễu thập thò bày
nắng sớm, mặt hoa e thẹn đọng sương mai. Gặp khi
bình sáng, thương kẻ ngu mê. Trong đêm giấc mộng

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI SÁNG**

đã lờ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp. Mắt tai đuổi theo thanh sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Nhà lửa hằng cam thiêu đốt, sông ái mãi chịu đắm chìm. Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người đang ngủ đêm qua. Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gáp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng.

Các Phật tử! Gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mắt sáng rơi đất. Một sớm chợt sẩy tay, muôn kiếp thân khó được. Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư cầu quả ác. Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu. Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ dung, chạm mắt thấy Đại quang minh tạng.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi sáng.

(Lễ Tam bảo một lạy)

7. SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Mắt là:

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh;
Lầm nhận hoa giả, quên ngấm trắng thật.
Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành;
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.
Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai;
Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI SÁNG**

Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang;
Lòa mắt, chưa sanh bản lai diện mục.
Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn;
Gặp kẻ bần cùng, lơ đi chẳng đoái.
Người đứng chết chóc, nước mắt ráo khô;
Thân quyến qua đời, đầm đìa lệ máu.
Hoặc đến Tam bảo, hoặc vào chùa chiền;
Gần tượng thấy kinh, mắt không thèm ngó.
Phòng tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai;
Mắt liếc mảy đưa, đam mê sắc dục.
Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần;
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trải hằng sa kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, lại bị mù chột.
Nếu không sám hối khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

8. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

9. CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI SÁNG**

10. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nhờ thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

11. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện rộng mở sáng chánh kiến,
Hai nguyện lau sạch bụi trần mù,
Ba nguyện nhìn hình không đắm mến,
Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng.
Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận,
Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy,
Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng,
Tám nguyện hằng được sáng xưa nay.
Chín nguyện khi nhìn trừ mắt bệnh,
Mười nguyện chỗ thấy dứt không hoa,
Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn,
Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp bằng trong.

(Lễ Tam bảo một lạy)

12. KỆ VÔ THƯỜNG BUỔI SỚM

Đêm tối vừa rạng sáng,
Ánh dương dần hiện không.
Tóc bạc thâm tối điểm,
Má hồng dần đổi thay.
Chẳng biết tuổi xuân ngắn,
Vẫn tranh nghiệp quả hùng.
Thân như băng gặp nắng,
Mạng tựa đuốc gió đùa.
Chớ mãi mê làm khách,
Quay về sớm chiếu soi.

(Lễ Tam bảo một lạy)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI TRƯA**

1. DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

Cúi mong, ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang.
Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khẩn cầu. Lòng tin
tỏ bày dưới tòa báu, thấp nén hương trầm cắm lò châu.

Hương này, un đúc bởi tiên thiên, chẳng phải
Bồng đảo châu sản xuất; ngát thơm quả đất, nào do
chiên-đàn sanh ra. Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi
vị vượt xa lan xạ. Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam-muội
đốt; mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan.
Mỗi mỗi trên đánh đều thấu triệt, người người trong
mũi thấy ngửi mùi.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương. Nay giờ
ngọ thấp hương cúng dường.

2. KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy rừng thiền hương sức nước,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

3. KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

4. HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Qua đây mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI TRƯA**

Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Từ đài Quang minh dậy,
Qua vô biên thế giới,
Trong vô biên cõi Phật,
Thọ dụng làm Phật sự;
Khắp huân các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười
phương Vô thượng Tam bảo.

(Lễ Tam bảo một lay)

5. TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng
sư, chuyển sáu đạo thành sáu thần thông, nhiếp chín
loài về chín phẩm.

Trộm nghe: Gà xóm gáy trưa, mặt trời đứng bóng.
Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương
liễu bóng đứng ngay. Nắng rọi sân hoa vườn ngọc, gió
đưa rặng liễu lay vàng. Long lanh rực rỡ chiếu dao
đài, lấp lánh chập chờn soi thêm ngọc. Lò nghê hương
quyện, trời xanh vằng nhật chói chang. Gối tiên giấc
nồng, trên gác tía ngày dài đêm ngắn. Hè cao độ thì
chảy vàng nứt đá. Đông cực hàn thì sương phủ tuyết
rơi. Nắng trưa bụi mù trong sạch, bóng xế mây tối
quét tan. Đối cảnh tánh thiên rộng suốt, ngay đó tâm
địa sáng ngời. Nơi nơi thấy có quang minh, bước bước
trọn không hắc ám.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI TRƯA**

Chư Phật tử! Mặt trời đúng Ngọ rồi phải xế, con người có thanh ắt có suy. Thân thể chẳng bền lâu, giàu sang khó giữ mãi. Nhanh chóng như nước chảy trên sông, lệ làng tợ mây qua đỉnh núi. Bình sinh chẳng tạo nhân lành ngày khác ắt về đường khổ. Quyết khởi tin sâu, trừ sạch nghi ngờ. Sớm nở tâm châu chư Phật, chiếu phá thùng sơn chúng sanh.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi trưa.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương ba đời Vô thượng Tam bảo.

(Lễ Tam bảo một lạy)

6. SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Tai là:

Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà;
Mê mất gốc chân, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc Long ngâm;
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hảo, khắp khởi mong cầu;
Biết rõ lời lành, đâu từng ứng nhận.
Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi;
Tán ngắn bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đình ninh;

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI TRƯA**

Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặc.
Hoặc nghe tiếng xuyến, bỗng nảy lòng dâm;
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.
Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác;
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

7. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

8. CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

9. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI TRƯA**

10. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện nghe tiếng liền ngộ đạo,
Hai nguyện nghe khổ sớm tu hành,
Ba nguyện nghe suốt khắp bốn phương,
Bốn nguyện nghe vui vô sanh tốt.
Năm nguyện lời tà tai không dính,
Sáu nguyện chánh ngữ chóng nghe rành,
Bảy nguyện tiếng pháp thường gần gũi,
Tám nguyện trống pháp cần lắng nghe.
Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm,
Mười nguyện Khánh Hỷ đồng nổi danh,
Mười một nguyện nhóm điếc thường phá chướng,
Mười hai nguyện hai tai hằng suốt thông.

(Lễ Tam bảo một lay)

11. KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Chớp mắt vầng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.
Trộn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hờ đã đổi đời.
Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nắm thanh rồi suy.
Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi rong khắp nẻo đường.

(Lễ Tam bảo một lay)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
MẶT TRỜI
LẶN**

1. DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

Cúi mong, chân trời ráng hiện, khói tụ non xa.
Thân đến đàn tràng thanh tịnh, đầu lễ Hiền thánh từ
bi. Mong thấu lòng thành, kính đốt hương báu.

Hương này, danh cao ở Bồng đảo, phẩm lạ ở Lục
Dương. Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm Ấp, chẳng
như tô du cống hiến của Đại Tần. Mùi hơn xạ hương ở
Phong huyện, vị quá Ô Trành long não. Riêng chiếm
giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương.
Hương báu vừa bay, chiếu Phạm huân thành đàn thế
giới; lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ thận lâu đài.
Tìm đến, càn thành tan ảo hóa; ngửi mùi, địa ngục hết
chua cay. Nay mặt trời lặn, thấp hương cúng dường.

2. KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy, rừng thiên hương sức nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

3. KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

4. HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
MẶT TRỜI
LẶN**

Và tất cả Thánh hiền,
Vừa rời đài Quang minh;
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.
Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười
phương Vô thượng Tam bảo. (*Một lạy*).

5. TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng
sư. Vung kiếm tuệ ở rừng tà, quạt gió từ vào nhà lửa.

Trộm nghe: Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa
gác núi. Dầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện
ngoài rèm nghe ảm đạm. Thuyền chài quay lại bến
cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng
vỗ cánh. Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát, tiêu sơ bờ liễu
để ngâm sâu. Đồng rộng lập lòe vài đóm lửa, trời cao
lơ lửng trăng lười liềm. Cửa phen hồ khép gà vào
chuồng, đèn lửa chưa lên trâu lại ngủ. Lữ khách thúc
ngựa chạy như tên bắn, thuyền về chèo gấp nhanh tợ
thoi đưa. Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày
sáng trưng còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về
nhà quên vắng. Nhóm kia như người không đủ mắt,
cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường.

Các Phật tử! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ
tham phù thế xa hoa. Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ
để buông tâm phóng chạy. Mỗi người soi sáng bên
trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Nếu là tri âm,
hãy mau tiến bước.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
MẶT TRỜI
LẶN**

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa
lễ mặt trời lặn.

(Lễ Tam bảo một lạy)

6. SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Mũi là:

Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngọt ngào;
Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.
Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tòi;
Giới định hương huân, chưa từng để mũi.
Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài;
Nghển cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.
Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nể;
Chỉ thích mùi xằng, trọn không chán mỗi.
Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lìa;
Cây giác hoa tâm, xoay đi không đoái.
Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau;
Thấy bản thèm ăn, ưa nơ kiếm nuốt.
Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi;
Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.
Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỉ đàm vàng;
Bôi cột quẹt thêm, làm nơ đất sạch.
Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng tăng;
Hai mũi thở hơi, xông kinh nơ tượng.
Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm;
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
MẶT TRỜI
LẶN**

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

7. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

8. CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

9. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

10. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện ra hết tà khí loạn,
Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân,

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
MẶT TRỜI
LẶN**

Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu,
Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên.
Năm nguyện lời về đường Tam bảo,
Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh,
Bảy nguyện thở trừ chướng phiền não,
Tám nguyện ngủi được hoa giác tươi.
Chín nguyện thường thông giống các pháp,
Mười nguyện hằng lấp nhân ngũ tân,
Mười một nguyện kéo về đạo biển tánh,
Mười hai nguyện lời ra khỏi bến mê.

(Lễ Tam bảo một lạy)

11. KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Cảnh giục trời gác núi,
Tắc bóng có tiếc chẳng?
Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dừng đâu?
Mặt trời mọc rồi lặn,
Thân nổi trở lại chìm.
Già đến ngu cùng trí,
Chết đi xưa và nay.
Chẳng khỏi vô thường đến,
Hạn lớn tránh được nào?
Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.

(Lễ Tam bảo một lạy)

12. KỆ KHUYÊN CHÚNG BUỔI HOÀNG HÔN

Cảnh giục nường dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.
Ngày giờ đâu dừng mãi,

THỜI SÁM HỐI BUỔI MẶT TRỜI LẶN	Già bệnh dễ kể người. Chết đến ai hay giữ, Hạn lại sao cấm ngăn. Mọi người nên để mất, Hôn tán chỗ vương tâm. 13. KÊ TÁM KHỔ Sanh đến thành người thân khổ nhọc, Già sang lụ khụ ý mê mờ, Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn, Chết dọa ba đường nghiệp dễ lời. Ân ái xa lìa buồn khó tả, Oán thù gặp lại giận không cùng, Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não, Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng. <i>(Lễ Tam bảo ba lay)</i>
THỜI SÁM HỐI BUỔI HOÀNG HÔN	1. DÂNG HƯƠNG BUỔI ĐẦU HÔM Cúi mong, lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền chài rọi nước. Bọn tịnh trên đàn đều tối, trong lò mới thắp tín hương. Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc sơn, chủng loại không phải trầm thủy. Đâu bởi thần long dâng cúng, chính do Bồ-tát cất dành. Trong rừng Ngưu Đầu khó so bì, nơi vườn Kê Thiệt suy tôn bậc nhất. Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ; nước định rửa, lửa tam-muội đốt mùi thơm ngào ngát. Đâu chỉ đàn tràng ngửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch. Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
HOÀNG HÔN**

2. KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy rừng thiền hương sức nước,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

3. KỆ DÂNG HOA

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vãn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

4. HIẾN HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn,
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

(Lễ Tam bảo một lay)

5. TÂU BẠCH

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời
Hùng sư, mở rộng đèn tuệ chư Phật, soi khắp nhà
tối quần sanh.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
HOÀNG HÔN**

Trộm nghe: Kèn lầu vừa thổi, trống cấm mới truyền, nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chốn chốn mỡ rồng cháy rực. Ngựa báu thôi hí ngoài ngõ tía, cá vàng ngừng nhảy dưới ao trong. Lúa thừa mặt nước đom đóm bay, lấp ló đầu non ngậm vàng nguyệt. Bên đài Phượng Hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh Vũ tham đắm mê hoa thủ lạc. Hoặc vịnh trắng cột gió, hoặc thổi sáo đánh đàn. Người người chăm chăm duyên trước mắt, kẻ kẻ đâu quên việc sau thân.

Các Phật tử! Phải tỉnh đường trước khó tiến tới, chớ tham gối cao mặc ngủ say. Lên giường khó bảo đảm xuống giường, đêm nay đâu thể biết đêm mai. Cửa đệ nhất nghĩa nên thẳng vào, nơi ba đường ác chớ tiến bước. Quay đầu nhận về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng phù thế.

Đệ tử chúng con, chỉ tưởng giờ này, lấy làm khóa lễ đầu hôm.

(Lễ Tam bảo một lay)

6. SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỠI

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Lưỡi là:

Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở;
Nếm hết các thứ, biết rõ béo gầy.
Sát hại sanh vật, nuôi dưỡng thân mình;
Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông;

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
HOÀNG HÔN**

Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.
Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật;
Cổ cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều;
Giống hết người đau, gắng nuốt thuốc cháo.
Mất đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan;
Rượu chúc cơm mời, nóng thay nguội đổi.
Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con;
Giết hại chúng sanh, vì ba tấc lưỡi.
Nói dối bày điều, thêu dệt bịa thêm;
Hai lưỡi bống sanh, ác khẩu dấy khởi.
Chửi mắng Tam bảo, nguyên rửa mẹ cha;
Khinh khi hiền thánh, lừa dối mọi người.
Chê bai người khác, che giấu lỗi mình;
Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.
Khoe khoang giàu có, lẳng nhục người nghèo;
Xua đuổi tăng ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời gièm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn;
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông;
Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục Bạt Thiết;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh;
Dù được làm người, lại bị cầm bắt.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lay)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
HOÀNG HÔN**

7. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lay)

8. CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lay)

9. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nường thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lay)

10. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện ăn no vị vô thượng,
Hai nguyện nhả hết vị trần tanh,
Ba nguyện biện tài trừ các hoặc,
Bốn nguyện thích nói độ quần sanh.
Năm nguyện đọc hết kho vô tận,
Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô.
Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu nói (thổ lộ),
Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh (tiếng hét).
Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ,
Mười nguyện trong sạch như trời xanh,

THỜI SÁM HỐI BUỔI HOÀNG HÔN	Mười một nguyện thế gian không cam ngong, Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày (cày lưỡi). <i>(Lễ Tam bảo một lay)</i> 11. KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY Ngày sáng mất rồi đêm tối đến, Đường đêm mờ mịt lại mịt mờ. Uổng công đốt đuốc cho người khác, Chẳng chịu mỗi đèn chính nhà mình. Chầm chậm vầng ô vừa khuất núi, Từ từ bóng tỏ biển đông lên. Chết sống xoay vần đều như thế, Sao chẳng quy y Phật Pháp Tăng. <i>(Lễ Tam bảo một lay)</i>
THỜI SÁM HỐI BUỔI GIỮA ĐÊM	1. DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM Cúi mong, đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới. Hương này, trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do trăm thần bảo hộ mà được. Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Lư vàng nâng lên, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm. Nay lúc nửa đêm, thắp hương cúng dường.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
GIỮA ĐÊM**

2. KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy, rừng thiền hương sức nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

3. KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rời.

4. HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh Hiền;
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.
Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười
phương Vô thượng Tam bảo.

(Lễ Tam bảo một lạy)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
GIỮA ĐÊM**

5. TÂU BẠCH

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư. Duỗi tay vàng tiếp độ quần sanh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi.

Trộm nghe: Giờ vừa sang Tý, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Mấy trận gió mây sanh muôn dặm, một vầng trăng sáng rọi canh ba. Lửa thừa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Hạc oán lặng thình nơi trưởng tuệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Xa xôi Sâm, Đẩu trải Ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Cuộc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyền lẽ loi trong rừng rậm, mộng hồn rong ruổi ngàn dặm trường. Cam chịu ma ngủ quấy rầy luôn, đâu biết đuốc trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết nếm vị chân như. Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ.

Các Phật tử! Phải nhớ bốn rần bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết? Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Chỗ lao quan đó, quyết định đêm nay phá vỡ.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm.

(Lễ Tam bảo một lạy)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
GIỮA ĐÊM**

6. SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Thân là:

Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình;
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân;
Sanh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.

Nghiệp sát sanh là:

Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ;
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.
Lầm hại cố giết, tự làm dấy người;
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sanh linh;
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.
Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối;
Buông chài bủa lưới, xuýt chó thả chim.
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm;
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

Nghiệp trộm cắp là:

Thấy tài bảo người, thầm khởi tâm tà;
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của Thường trụ, lòng dấy khởi tham;
Trộm của nhà chùa, không sợ thần giân.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to;
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
GIỮA ĐÊM**

Nghiệp tà dâm là:

Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phần son;
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng tăng;
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đập cẳng kề vai;
Khoét ngạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng;
Muôn kiếp tái sanh, lại chịu tội báo.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

7. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

8. CHÍ TÂM TÙY HỦ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
GIỮA ĐÊM**

9. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nường thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

10. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ,
Hai nguyện thể tướng biến thành chân,
Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp,
Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân.
Năm nguyện đốt thân đền Phật đức,
Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy,
Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc,
Tám nguyện móc mắt cũng là thân.
Chín nguyện thoa hương không ưa thích,
Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân,
Mười một nguyện đời đời không đắm trước,
Mười hai nguyện kiếp kiếp lìa tục trần.

(Lễ Tam bảo một lạy)

11. KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Muôn tiếng vừa im bật,
Canh ba trống điểm hồi.
Chim cuốc kêu thảm thiết,
Giấc mộng mải mê say.
Cam trong hộc làm kiến,
Trở thành cá trên ao.
Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.

THỜI SÁM HỐI BUỔI GIỮA ĐÊM	Quên mất nhà muôn dặm, Còn tham giấc ngủ thừa. Chẳng biết thân là huyễn, Mê muội đến bao giờ. <i>(Lễ Tam bảo một lay)</i>
THỜI SÁM HỐI BUỔI CUỐI ĐÊM	1. DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM Cúi mong, sao Bắc đẩu chuyển về phương bắc, dải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sừng vừa dứt. Chúng Tỳ- kheo họp nơi chiếu Phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin. Hương này giống từ cung nguyệt đem về, trong non rể quần chẳng chặt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm. Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Quy Giáp ở Quế Lâm. Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ. Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Mỏng mỏng tơ bay kết thành điềm tốt, ngọt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu. Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt ngủi huân, tịch diệt do đây chứng được. Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường. 2. KỆ DÂNG HƯƠNG Trầm thủy, rừng thiên hương sức nức, Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng, Đao giới vót thành hình non thẳm, Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
CUỐI ĐÊM**

3. KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

4. HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh Hiền;
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.
Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười
phương Vô thượng Tam bảo. (Một lay).

5. TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng
sư, rót cam lồ cứu đàn đối khát, cầm thần châu gieo
chỗ tối tăm.

Trộm nghĩ: Trùng thúc năm đạo, gà giục ba hồi.
Bóng đuốc tiệc hoa vừa tàn lụi, dải sao Ngân hà sắp
lặn chìm. Giác bướm lại quay về thế mộng, chuông
chùa phá vỡ chốn âm u. Đầu non biếc ngậm nửa

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
CUỐI ĐÊM**

trắng mờ, mặt biển xanh vắng hồng chưa hiện. Vách cũ để kêu từng chập, đường quan vó ngựa nhịp đều. Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ. Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư tăng hành đạo. Đường đời mờ mịt, quần sanh rối bời. Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.

Chư Phật tử! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Đến nỗi trôi buộc một đời, đều bởi tán hôn hai chữ. Vì người mở thẳng một con đường, để lại mai sau tác gia ngấm. Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rỗng. Nhìn lấy Tịnh độ trước mắt, nhận ra trong tâm Di-đà. Nếu hay ưa vui gánh vác, liền được trong ấy hiện ra.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

(Lễ Tam bảo một lạy)

6. SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lằm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Ý là:

Nghĩ vơ nghĩ vẩn, không lúc nào dừng;
Mắc mưu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền;

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
CUỐI ĐÊM**

Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo đối sanh;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

Tội Keo Tham là:

Âm mưu ghen ghét, keo cú vết vớ;
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.
Của chứa tội sông, lòng như hũ chảy;
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.
Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét;
Lựa là chất đồng, nào có giúp ai.
Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều;
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.
Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai;
Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.
Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo;
Khổ tứ lao thần, đều từ tham nghiệp.

Tội Nóng Giận là:

Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu;
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.
Không riêng người tục, cả đến thầy tu;
Kinh, Luận tranh giành, cùng nhau công kích.
Chê cả Sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha;
Cổ nhẩn héo vàng, lửa độc rực cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiên tội Thánh, trước cảnh như ngu;
Dầu ở cửa Không, chưa thành vô ngã.
Như cây sanh lửa, lửa cháy đốt cây;
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
CUỐI ĐÊM**

Tội Ngu Si là:

Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm;
Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gãy tay;
Máng Phật chuốc ương, phun trời ướm mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân;
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh;
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lay)

7. CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng,
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lay)

8. CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lay)

**THỜI
SÁM HỐI
BUỔI
CUỐI ĐÊM**

9. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lay)

10. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lặn xăng,
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khởi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng,
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyện tâm vượt thôi nhảy nhót,
Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên,
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiên.

(Lễ Tam bảo một lay)

11. KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Tiếng pháp khua tan mộng thế trần,
Chuông chùa phá vỡ giấc ngu mê.
Còn ưa gối đầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.
Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Mờ mờ đường tối lại khó thông.
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.

THỜI GIAN THỰC HIỆN	NỘI DUNG NGHI THỨC SÁM HỐI SÁU CĂN
BUỔI CHIỀU TỐI (18h00, mỗi ngày), tại các thiền viện trực thuộc Thiền phái Trúc Lâm	1. KỆ NGUYỆN HƯƠNG (<i>Quỳ nguyện hương</i>) Trầm thủy, rừng Thiền hương sức nước, Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng. Đao giới vót thành hình non thẳm, Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng. Nam-mô Bồ-tát Hương cúng dường. <i>(3 lần, đứng lên)</i> 2. TÁN PHẬT Đại từ đại bi thương chúng sanh, Đại hỷ đại xả cứu hàm thức. Tướng đẹp sáng ngời dùng trang nghiêm, Chúng con chí tâm thành đánh lễ. - Chí tâm đánh lễ: Tất cả chư Phật ba đời, tột hư không khắp pháp giới. (1 lạy) - Chí tâm đánh lễ: Tất cả chánh pháp ba đời, tột hư không khắp pháp giới. (1 lạy) - Chí tâm đánh lễ: Tất cả Tăng, bậc Hiền Thánh ba đời, tột hư không khắp pháp giới. (1 lạy) 3. TÁN PHÁP Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn, Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp. Nay con nghe thấy vâng gìn giữ, Nguyện hiểu nghĩa chơn đức Thế Tôn. Quy kính Phật Bồ-tát trên hội Bát-nhã. <i>(3 lần)</i>

**BUỔI
CHIỀU TỐI
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm**

4. TÂM KINH TRÍ TUỆ CỨU CẢNH RỘNG LỚN

Khi Bồ-tát Quán Tự Tại hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách. Nay Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Nay Xá-lợi-phất! Tướng Không của các pháp không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong tướng Không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết; không có khổ, tập, diệt, đạo; không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc.

Vì không có chỗ được, nên Bồ-tát y theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thấy khổ, chơn thật không dối.

Vì vậy nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền nói chú rằng: “Yết-đế, yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha”. (3 lần)

**BUỔI
CHIỀU TỐI**
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm

5. LỄ PHẬT TỔ

Chí tâm đánh lễ: Quá khứ Phật Tỳ-bà-thi.

Chí tâm đánh lễ: Hiện tại Phật Thích-ca-mâu-ni.

Chí tâm đánh lễ: Vị lai Phật Di-lặc Tôn.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Đại Ca-diếp.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư A-nan.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Huệ Khả.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Huệ Năng.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Trúc Lâm Đại Đầu-đà.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Pháp Loa.

Chí tâm đánh lễ: Tổ sư Huyền Quang.

Chí tâm đánh lễ: Tất cả chư vị tổ sư Ấn Độ,
Trung Hoa, Việt Nam.

6. SÁM HỐI SÁU CĂN

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,

Không sám lỗi trước khó tránh lỗi sau.

Nghiệp căn mắt là:

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh,

Lầm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật.

Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành,

Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.

Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai,

Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.

Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang,

Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.

Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn,

**BUỔI
CHIỀU TỐI**
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm

Gặp kẻ bần cùng, lờ đi chẳng đoái.
Người dưng chết chóc, nước mắt ráo khô,
Thân quyến qua đời, đầm đìa lệ máu.
Hoặc đến Tam bảo, hoặc vào chùa chiền,
Gần tượng thấy kinh mắt không thềm ngó.
Phòng Tăng điện Phật gặp gỡ gái trai,
Mắt liếc mảy đưa, đam mê sắc dục.
Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần,
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trải hằng sa kiếp, mới được làm người,
Dù được làm người, lại bị mù chột.

Nghiệp căn tai là:

Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà,
Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc Long ngâm,
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ,
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hảo, khắp khởi mong cầu,
Biết rõ lời lành, đâu từng ứng nhận.
Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi,
Tán ngán bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đình ninh,
Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặc.
Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nảy lòng dâm,
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đầy ấp bụi trần, kể sao cho xiết.

**BUỔI
CHIỀU TỐI
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm**

Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác,
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.

Nghiệp căn mũi là:

Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào,
Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.
Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tòi,
Giới định huân hương, chưa từng để mũi.
Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài,
Nghển cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.
Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nề,
Chỉ thích mùi xăng, trọn không chán mồi.
Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lìa,
Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.
Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau,
Thấy bản thềm ăn, ưa nhờ kiếm nuốt.
Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi,
Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.
Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỷ đàm vàng,
Bôi cột quẹt thêm, làm nhờ đất sạch.
Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng Tăng,
Hai mũi thở hơi, xông kinh nhờ tượng.
Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm,
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được làm người,
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.

Nghiệp căn lưỡi là:

Tham đủ mọi thứ, thích xét ngon dở,
Nếm hết các thứ, biết rõ béo gầy.

**BUỔI
CHIỀU TỐI
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm**

Sát hại sinh vật, nuôi dưỡng thân mình,
Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
Thịt tanh béo miệng, hành tởm ruột xông,
Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.
Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật,
Cổ cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều,
Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc cháo.
Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan,
Rượu chúc cơm mời, nóng thay nguội đổi.
Bày tiệc đãi khách, cười gả cho con,
Giết hại chúng sanh, vì ba tấc lưỡi.
Nói dối bày điều, thù dật bịa thêm,
Hai lưỡi bồng sanh, ác khẩu dấy khởi.
Chửi mắng Tam bảo, nguyên rửa mẹ cha,
Khinh khi Hiền Thánh, lừa dối mọi người.
Chê bai người khác, che dấu lỗi mình,
Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.
Khoe khoang giàu có, lăng nhục người nghèo,
Xua đuổi Tăng Ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời dèm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn,
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông,
Tán dóc Tăng phòng, ba hoa điện Phật.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục Bạt Thiệt
(kéo lưỡi),
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh,
Dù được làm người, lại bị cầm bắt.

**BUỔI
CHIỀU TỐI
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm**

Nghiệp căn thân là:

Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình,
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân,
Sanh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.

Nghiệp sát sanh là:

Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ,
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.
Lầm hại cố giết, tự làm dấy người,
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sanh linh,
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.
Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối,
Buông chài bủa lưới, xuyết chó thả chim.
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm,
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

Nghiệp trộm cắp là:

Thấy tài bảo người, thầm khởi tâm tà,
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của thường trụ, lòng dấy khởi tham,
Trộm của nhà chùa, không sợ Thần giận.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to,
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

Nghiệp tà dâm là:

Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phấn son,
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng Tăng,
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đập cẳng kề vai,
Khoét gạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.

**BUỔI
CHIỀU TỐI
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm**

Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng,
Muôn kiếp tái sanh, lại chịu tội báo.

Nghiệp căn ý là:

Nghĩ vợ, nghĩ vắn, không lúc nào dừng,
Mắc mưu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền,
Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo dối sinh,
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

Tội keo tham là:

Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vợ,
Muối vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.
Của chứa tội sông, lòng như hũ chảy,
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.
Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét,
Lụa là chất đống, nào có giúp ai.
Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều,
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.
Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai,
Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.
Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo,
Khổ tứ lao thân, đều từ tham nghiệp.

Tội nóng giận là:

Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu,
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.
Không riêng người tục, cả đến thầy tu,
Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.
Chê cả sư trưởng, nhiech đến mẹ cha,

Cỏ nhẩn héo vàng, lửa độc rực cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người,
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiên tội Thánh, trước cảnh như ngu,
Dầu ở cửa Không, chưa thành vô ngã.
Như cây sanh lửa, lửa cháy đốt cây,
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.

Tội ngu si là:

Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm,
Chẳng hiểu tôn ty, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gây tay,
Mắng Phật chuốc ương, phun trời ướm mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân,
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu,
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh,
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ,
Nay trước Phật đài, thả đều sám hối.

7. CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lăng xăng.
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khởi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng.
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyện tâm vườn thôi nhảy nhót,

**BUỔI
CHIỀU TỐI**
(18h00, mỗi ngày),
tại các thiền viện
trực thuộc
Thiền phái
Trúc Lâm

Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên.
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiền.

8. CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Ân cần đầu cúi lễ Từ Tôn.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Chân tâm Bồ-đề không thối chuyển.

9. PHỤC NGUYỆN

(*Chủ lễ xướng*)
Cửa Thiền thường nghiêm tịnh,
Toàn chúng mãi thuận hòa.
Phật tuệ chiếu sáng ngời,
Mưa pháp hằng nhuần gội.
Phật tử lòng tin sâu,
Ruộng phước càng tăng trưởng.
Chúng sanh sống an lạc,
Vui hưởng cảnh thái bình.
Nơi nơi dứt đao binh,
Mỗi mỗi đều thành Phật.
Nam mô Phật Bốn sư Thích-ca-mâu-ni.

(*Đứng lên lễ Phật*)

10. CHÍ TÂM QUY MẠNG LỄ

Chí tâm quy mạng lễ, mười phương vô
thượng Tam bảo.

(3 lạy)

2. Loài sò ốc hộ kinh Kim Cang

螺螄□ 猶護金剛經□

唐時□ 所有待制□ 船至漢江阻風□ 波濤洶湧滿 船驚怖□ 急將平昔持誦金剛經一卷□

拋棄江中□ 遂得風恬浪靜□ 待制曰□ 深憶此經□ 受持年遠鬱鬱不樂□ 經涉兩月方到鎮江□ 見船尾後百步□ 而有一袍□ 似裘之狀□ 出沒無時□ 眾人疑慮□ 待制令一漁人取來□ 乃螺螄輾成一團□ 剖而外濕內乾□ 待制用手分開視之□ 即是所持之經毫髮無損□ 待制驚喜拜而頂受歎曰□ 漢水會於九江□ 至南徐有數千里□ 舟船往來豈有數目□ 然未聞所持之經□ 自彼至此□ 螺螄一見而不捨□ 其為名耶□ 利耶□ 財耶色耶□ 將必脫輪迴□ 免死生者也□ 嗚呼□ 萬物之中□ 最靈者人也□ 有畢竟不聞是經□ 有聞而不見見而不信□ 信而為名利所繫而後信者不若螺螄也□

Trích nguồn:

□ 銷釋金剛經科儀會要註解□ 卷2,(C BET A 2024.R2, X24, no. 467, pp. 664c09-665a23 // R92, pp. 264a13-265a15 // Z 1:92, pp. 132c13-133a15)

[A2] 已□ CB□ 已□ 𠄎續□ [A3] 已□ CB□ 已□ 𠄎續□).

Dịch:

Loài sò ốc còn hộ kinh Kim Cang

Đời nhà Đường, có một vị quan Đãi Chế, trên thuyền đi đến sông Hán gặp lúc gió lớn ngăn trở, ba đào cuộn cuộn, khiến mọi người trên thuyền kinh sợ. Ông vội đem một quyển kinh Kim Cang đã tụng đọc trước đó, ném vào giữa sông, liền đó gió yên sóng lặng. Quan Đãi Chế nói:

“Tôi nhớ rõ kinh này, nhờ thời gian thọ trì kinh này nên tránh xa được sự buồn rầu không vui”.

Trải qua hai tháng mới đến Trấn Giang, mọi người trông thấy cách đuôi thuyền khoảng 100 bước, có một chiếc áo dài tợ đường bằng lông thú, lúc ẩn lúc hiện. Mọi người nghi ngờ, quan Đãi Chế sai một ngư dân vớt lên. Ra là mấy con sò ốc đã bu quanh thành một khối. Khi mổ ra thì bên ngoài ướt mà trong thì ráo. Vị quan Đãi Chế dùng tay tách ra thấy cuốn Kinh. Chính là quyển kinh Kim Cang mà ông đã trì tụng vẫn còn nguyên vẹn, không bị hư hại. Ông mừng rỡ kinh ngạc lễ bái và đội trên đầu tán thán rằng:

“Hán Thủy chảy qua Cửu Giang, đến Nam Từ cũng hơn ngàn dặm. Thuyền bè qua lại rất nhiều nhưng chưa nghe ai trì kinh. Vậy mà đoạn đường từ sông Hán đến đây, con sò ốc kia vừa gặp quyển kinh liền giữ mãi không buông. Chúng vì danh lợi, tài sắc ư? Chúng chỉ vì mong muốn thoát khỏi luân hồi, sinh tử. Than ôi! Trong muôn loài, người là linh thiêng nhất, nhưng có người cả đời chưa nghe được kinh này, hoặc có nghe mà không thấy không tin, hoặc có tin mà bị danh lợi trói buộc. Xem ra, họ không bằng loài sò ốc kia vậy”.

(Trích Tiêu thích Kim Cang kinh khoa nghi hội yếu chú giải, quyển 2).

3. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật hóa làm Thiên tử.

十千游魚□ 聞佛號□ 化為天子□

金光明經佛告菩提樹神□ 昔流水長者□ 於天自 在光王國內□ 治眾生病苦[A2]已□

長者妻名水肩 藏□ 有二子□ 一名水滿□ 二名水藏□ 長者與二子□ 到一大澤中見枯涸無水□

魚將死至□ 生大悲心□ 時 有樹神示現半身□ 語長者□ 言此魚可憐汝可與水□ 長者曰□

魚有幾何□ 答言□ 此魚十千□ 日曝水少將 入死門□ 長者遶池經行□

魚隨視長者尋取樹枝覆於 池上用作陰涼□ 四面覓水忽見一河□ 名曰水生□ 長

者悲喜至大王所□ 具拜告王說如上事□ 王令自選有

力大象二十頭□ 於其城中復借皮囊□ 至河馱水速到 池邊瀉水而滿□

選一力大之象令子白於祖父家中所 用之食□ 悉[A3]已運至池邊□ 安置池內□ 長者依教 所說

□ 高聲稱念□ 南無寶髻如來應供等十號□ 及唱 十二因緣□ 以此之故□ 十千游魚聞法得食□

化生忉 利皆為天子□ 各悟前因悉來酬謝□ 十千天子各持瓔

珞至於長者之家以十千天妙瓔珞置於頭邊□ 十千瓔 珞安於足邊□ 左脇右脇亦然□ 又雨四華

□ 作天音 樂□ 早旦王問羣臣昨夜何故有如此瑞□ 羣臣對曰□ 說如上因□ 詔令長者問如上緣

□ 長者奏王□ 恐十千 魚而得生天□ 待臣至池驗魚死活復來奏王□ 遂到池 邊見魚悉死□

多有四華徧滿池中□ 還白大王□ 是十 千游魚□ 定生忉利天□ 王聞歡喜□ 長者欣然□ 佛告

大眾□ 此長者□ 我身也□ 長子□ 即羅睺羅□ 次子即 阿難□ 樹神□ 即今善女天也□ 十千游魚

□ 即今十千 天子是也□

Trích nguồn:

□ 銷釋金剛經科儀會要註解□ 卷2,(C BET A 2024.R2, X24, no. 467, pp. 664c09-665a23 // R92, pp. 264a13-265a15 // Z 1:92, pp. 132c13-133a15)

[A2] 已□ CB□ 已□ 卅續□ [A3] 已□ CB□ 已□ 卅續□).

Dịch:

Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật hóa làm Thiên tử.

Trong kinh Kim Quang Minh, đức Phật bảo thọ thần Bồ-đề rằng:

Xưa kia, có trưởng giả tên Lưu Thủy ở trong cõi nước Thiên Tự Tại Quang Vương, trị bệnh khổ cho chúng sinh. Vợ của trưởng giả tên là Thủy Kiên Tạng, có hai người con trai, một người tên là Thủy Mãn, người kia tên là Thủy Tạng. Trưởng giả cùng với hai người con đi đến một cái đầm lớn, thấy nước đã cạn, cá sắp chết hết, bèn khởi lòng đại bi. Khi ấy, có thọ thần thị hiện nửa thân, nói với trưởng giả:

- Loài cá này thật đáng thương, ông hãy cho chúng ít nước”.

Trưởng giả đáp:

- Có bao nhiêu con cá? Đáp:

- Cá này có mười ngàn con. Trời nắng nóng, nước khô cạn, chúng sẽ đi đến chỗ chết.

Trưởng giả kinh hành quanh ao, cá nhìn theo ông. Trưởng giả tìm lấy một nhánh cây, phủ lên mặt ao để che mát. Ông nhìn tứ phía để tìm nước, chợt thấy có một con sông, tên là Thủy Sinh. Trưởng giả vừa thương xót vừa vui mừng, đi đến chỗ nhà vua, lễ lạy trình lên vua sự việc trên. Vua cho ông tự chọn ra 20 con voi lớn khỏe, lại mượn thêm túi da ở trong thành ấy, đến sông múc nước rồi vội trở về bên bờ ao đổ nước để làm đầy. Ông chọn ra một con voi to khỏe, sai con trai về thưa với ông nội để chở thức ăn ở nhà đến đây. Sắp xếp xong, chở đến và cho vào bên trong ao. Trưởng giả y theo lời dạy trong kinh giáo, lớn tiếng niệm Nam mô Bảo Kế Như Lai Ứng Cúng cùng với 10 hiệu của Như Lai, và xướng tiếp 12 nhân duyên. Nhờ duyên này, mười ngàn con cá được ăn no lại được nghe pháp nên sau khi chết sinh về cõi trời Đao Lợi, đều trở thành Thiên tử. Mỗi vị đều biết được nhân đời trước nên cùng tìm đến để báo ơn. Mười ngàn vị Thiên tử, mỗi người cầm chuỗi anh lạc đến nhà trưởng giả; dùng mười ngàn chuỗi anh lạc vi diệu của cõi trời đặt lên đầu của ông, thêm mười ngàn chuỗi anh lạc ở dưới chân, hai bên hông cũng như thế. Lại làm mưa hoa bốn loại và trỗi nhạc trời.

Sáng sớm hôm sau, vua hỏi quần thần:

- Đêm qua vì sao có điềm lành như thế?

Quần thần trình bày mọi việc như trên. Vua cho gặp trưởng giả hỏi về nhân duyên trước đó. Trưởng giả thưa:

- Có lẽ mười ngàn con cá đã được sinh về cõi trời. Đợi thần đến ao kiểm xem cá còn sống hay chết rồi về báo lại cho người.

Ông đến bên ao thấy cá đều chết hết. Có rất nhiều hoa (gồm bốn loại hoa) đầy khắp trong ao. Trở về thưa với nhà vua:

- Mười ngàn con cá này quyết định đã sinh về cõi trời Đao Lợi.

Vua nghe xong hoan hỷ, trưởng giả cũng vui mừng.

Phật bảo đại chúng:

- “Vị trưởng giả này chính là thân ta, đứa con lớn là La-hầu-la, đứa con kế là Anan, thọ thần nay là Thiên Nữ Thiên, mười ngàn con cá nay là mười ngàn Thiên tử”.

(Trích Tiêu thích Kim Cang kinh khoa nghi hội yếu chú giải, quyển 2).

4. Năm trăm con dơi nghe pháp đều thành bậc thánh hiền

五百蝙蝠聽法音總作聖賢

昔佛正法之時有五百蝙蝠穴於枯樹 時有商人 附火 樹下常有道人誦阿毗達磨論故 走火燒其 樹 五百蝙蝠貪聽法音 被火焚斃 次夕見五百人 來禮拜曰 向蒙法力今脫惡報 皆生人中悉皆聰 慧 棄家學道俱登聖果 其後 迦尼色迦與脇尊 者 招集五百賢聖 於迦濕彌羅國 作毗婆論 其 五百賢聖 即五百蝙蝠 因識宿命 遂共作論 以 酬法力之恩也

Trích nguồn:

銷釋金剛經科儀會要註解 卷2,(C BET A 2024.R2, X24, no. 467, p. 665a24-b8 // R92, p.265a16-6 // Z 1:92, p. 133a16-6).

Dịch:

Xưa kia, thời kỳ chánh pháp, có 500 con dơi ở trong một hốc cây khô. Khi ấy, có người thương buôn đốt lửa sưởi ấm. Dưới cây thường có vị đạo nhân tụng bộ luận A-tỳ-đạt-ma. Lửa cháy mạnh đốt cả cây khô kia, 500 con dơi vì mãi mê nghe pháp nên bị lửa thiêu chết. Đến chiều tối hôm sau, có 500 người đến lễ bái thưa:

“Nhờ ơn pháp lực của ngài mà nay được thoát khỏi quả báo ác, đều sinh về cõi người, được thông minh trí tuệ, bỏ nhà học đạo, đều chứng quả thánh.

Sau đó, ngài Ca-nị-sắc-ca cùng với Hiếp tôn giả triệu tập 500 vị thánh hiền tại nước Ca-thấp-di-la tạo luận Bà-sa. 500 vị thánh hiền đó chính là 500 con dơi, nhờ biết được việc xưa nên cùng trước tác luận này để báo đáp sự mầu nhiệm của Phật pháp”.

(Trích Tiêu thích Kim Cang kinh khoa nghi hội yếu chú giải, quyển 2).